**Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh**

**Một số vấn đề lý luận và thực tiễn**

**Phạm Thị Thanh Tâm**

**2.1. Thực tiễn giải quyết vụ việc thỏa thuận hạn chế cạnh tranh**

***2.1.1. Vụ việc thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong bảo hiểm học sinh của 12 doanh nghiệp tại Khánh Hoà***

Trên thị trường bảo hiểm toàn diện học sinh trong phạm vi tỉnh Khánh Hòa, trong giai đoạn 9 tháng đầu năm 2011, 12 doanh nghiệp Bảo hiểm đã kí một thỏa thuận về giá dịch vụ bảo hiểm học sinh. Thỏa thuận này đã bị Cục quản lý cạnh tranh điều tra vì cho rằng đây là hành vi thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vi phạm quy định tại khoản 2, Điều 9, Luật Cạnh tranh về các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm. Vì tại thời điểm thỏa thuận này được xác lập thị phần kết hợp của 12 Doanh nghiệp Bảo hiểm tham gia thỏa thuận chiếm 99.81%, vượt quá ngưỡng 30% trên thị trường liên quan quy định tại khoản 2, Điều 9 Luật Cạnh tranh.

Ngày 01 tháng 9 năm 2011, Đại diện 12 Doanh nghiệp Bảo hiểm đã ký biên bản làm việc thống nhất hủy Bản thỏa thuận bảo hiểm học sinh năm học 2011-2012. Bên bị điều tra đã tự nguyện chấm dứt hành vi vi phạm do nhận thấy bản thỏa thuận có một số nội dung không phù hợp với pháp luật.

Quá trình điều tra xác định 12 Doanh nghiệp bị điều tra đã thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp Luật Cạnh tranh. Các doanh nghiệp bảo hiểm vi phạm pháp Luật Cạnh tranh nêu trên phải chịu phí xử lý vụ việc Cạnh tranh 100.000.000 đồng, đã nộp vào kho bạc nhà nước. [4, tr. 322-327]

***2.1.2. Vụ việc thỏa thuận hạn chế cạnh tranh của 15 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại Phan Thiết***

Ngày 15/9/2008 tại Resort Sài Gòn – Mũi Né, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam đã chủ trì tổ chức Hội nghị thường niên các Tổng giám đốc phi nhân thọ lần thứ 6. Tại CEO PNT 6, 15 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đã ký thỏa thuận hợp tác trong các lĩnh vực bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm tàu biển và bảo hiểm xe cơ giới.

Sau đó, có thêm bốn doanh nghiệp bảo hiểm cũng muốn tham gia ký kết, nâng tổng số doanh nghiệp tham gia lên 19 doanh nghiệp. các bản thỏa thuận được 19 doanh nghiệp bảo hiểm ký kết bao gồm: bốn bản thỏa thuận hợp tác giữa các doanh nghiệp bảo hiểm trong lĩnh vực bảo hiểm hàng hóa; trong lĩnh vực bảo hiểm tàu biển; bảo hiểm xe cơ giới; và điều khoản biểu phí bảo hiểm vật chất xe ô – tô. các bản thỏa thuận được thực hiện từ ngày 01/10/2008.

Thị trường mà 19 doanh nghiệp bảo hiểm hướng tới trong các bản thỏa thuận chính là thị trường có phạm vi toàn quốc và ngay ở thời điểm ký kết, thị phần của 19 doanh nghiệp bảo hiểm này là 99,79%. Các bản thỏa thuận này đều có quy định về chế tài cụ thể, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên tham gia. Lý do có sự ký kết các bản thỏa thuận là do các doanh nghiệp này đang phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh gay gắt, chủ yếu thông qua các chính sách hạ phí bảo hiểm, trả phí hoa hồng và tăng chi phí hỗ trợ đại lý…

Ngày 18/11/2008, Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh ra Quyết định số 93/QĐ – QLCT về việc điều tra sơ bộ vụ việc cạnh tranh liên quan đến hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh. Ngày 28/11/2008, Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh ra Quyết định số 99/QĐ –QLCT về việc việc điều tra chính thức vụ việc cạnh tranh đối với 19 doanh nghiệp bảo hiểm.

Ngày 02 tháng 10 năm 2009, Cục Quản lý cạnh tranh chuyển Hồ sơ vụ việc KNCT-hạn chế cạnh tranh-0009 đến Hội đồng Cạnh tranh. Ngày 15 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Xử lý vụ việc Cạnh tranh ra Quyết định số 02/QĐ-HĐXL về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Ngày 29 tháng 4 năm 2010, Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh có Kết luận điều tra bổ sung vụ việc KNCT-Hạn Chế Cạnh Tranh-0009 chuyển đến Hội đồng Cạnh tranh. Hội đồng Xử lý vụ việc Cạnh tranh đã quyết định mở Phiên điều trần công khai từ ngày 27 tháng 7 năm 2010 để xử lý vụ việc cạnh tranh.

Tại Phiên điều trần, Hội đồng đã xác định thị phần kết hợp của 19 doanh nghiệp bảo hiểm tham gia thỏa thuận chiếm tỷ lệ 99.79%. 19 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm đã có hành vi thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp mà Luật Cạnh tranh cấm. Cục quản lý cạnh tranh đề xuất mức xử phạt 0,1% lợi nhuận năm liền trước của các doanh nghiệp, nhưng hội đồng lại quyết định mức phạt 0,025%. [3, tr.1-2]

**2.1.3. Một số nhận xét từ thực tiễn giải quyết vụ việc thỏa thuận hạn chế cạnh tranh của các doanh nghiệp bảo hiểm**

Hạn chế cạnh tranh là hành vi không chỉ triệt tiêu nền kinh thế thị trường mà còn gây phương hại đến lợi ích của nhiều chủ thể, nhất là người tiêu dùng. Qua xem xét hai vụ việc thỏa thuận hạn chế cạnh tranh của các công ty bảo hiểm tại Khánh Hòa và Phan Thiết, vấn đề kiểm sát các vụ việc về thỏa thuận hạn chế ở cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay như sau:

*Thứ nhất*, sự ra đời của Luật cạnh tranh đã kịp thời điều chỉnh và ngăn chặn được các hành vi vi phạm. Đặc biệt, tuy ra đời trễ hơn so với những ngành luật khác nhưng pháp luật cạnh tranh đã có những quy định cụ thể cả về luật nội dung lẫn các quy định tố tụng cạnh tranh. Thông qua đó, các cơ quan chuyên môn có căn cứ để tiến hành điều tra và xử lý vi phạm.

*Thứ hai*, các thỏa thuận vi phạm hạn chế cạnh tranh đa phần được áp dụng nhiều là thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Nguyên nhân là do các doanh nghiệp trên thị trường không chịu được sức nặng của thị trường cạnh tranh gay gắt. Đặc biệt là đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, một ngành kinh doanh mà khách hàng khá là kén chọn. Hiện nay, ở Việt Nam việc mua bảo hiểm phi nhân thọ vẫn còn ít được quan tâm, phải có nhiều đãi ngộ hoặc chế độ tốt thì khách hàng mới quan tâm do đó nếu doanh nghiệp không chiến lược kinh doanh tốt thì rất dễ bị đào thải khỏi thị trường cạnh tranh.

*Thứ ba*, mức độ xử lý vi phạm còn nhẹ, căn cứ để xác định mức phạt chưa chính xác; những quy định về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ chưa đầy đủ nên sẽ thiếu tính răng đe. Thỏa thuận ấn định giá hàng hóa dịch vụ là dạng thỏa thuận gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, nếu không phát hiện kịp thời thì hậu quả gây ra sẽ rất lớn. Ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người tiêu dùng và gây thiệt hại cho các doanh nghiệp không tham gia việc thỏa thuận, cụ thể là ở vụ việc của các doanh nghiệp bảo hiểm Phan Thiết là 6 doanh nghiệp còn lại trong thị trường bảo hiểm chỉ chiếm 0,21% thị phần, một con số rất nhỏ để đủ sức cạnh tranh lại. Thế nhưng việc xử lý vi phạm của Hội đồng cạnh tranh vẫn chưa thực sự đủ mạnh, mức phạt đưa ra còn quá thấp sẽ rất dễ khiến các doanh nghiệp bất chấp bỏ tiền ra nộp khoản phạt nhỏ để đạt được lợi ích lớn hơn là tuân thủ quy luật cạnh tranh của thị trường.

**2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh**

Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường tạo ra cho các doanh nghiệp áp lực giảm giá thành, cải tiến chất lượng và đa dạng hóa hàng hóa, dịch vụ mà mình cung cấp. Để giảm áp lực cạnh tranh và gia tăng lợi nhuận ngắn hạn, các doanh nghiệp có thể tìm cách “câu kết” với nhau. Do đó, để ổn định cạnh tranh thị trường và bảo vệ các bên bị hại thì cần hoàn thiện hơn các quy định của pháp luật như sau:

*Thứ nhất, hoàn thiện các quy định pháp luật cạnh tranh về nhận diện hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh*. Tại Việt Nam, Luật cạnh tranh hiện hành và các văn bản dưới luật chưa xây dựng khái niệm riêng về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh mà chỉ liệt kê 08 loại hành vi được coi là thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo quy định tại Điều 8 của Luật. Như vậy,Việt Nam đang sử dụng cách tiếp cận hẹp hơn so với luật cạnh tranh Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và EU trong việc nhận diện thỏa thuận hạn chế cạnh tranh. Việc quy định theo cách liệt kê 08 dạng thức của hành vi và không đưa ra khái niệm riêng biệt về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh dẫn đến thực tế là các hạn chế thương mại bất hợp lý khác, các hành vi liên kết, thông đồng khác dù có mục đích làm sai lệch quy luật cạnh tranh, hạn chế hoặc làm sai lệch quy luật cạnh tranh trên thị trường nhưng không thuộc nhóm 8 hành vi này sẽ không bị xem xét và xử lý.

*Thứ hai, cần có các quy định chặt chẽ và chế tài nghiêm khắc đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh*. Do khả năng tối đa hóa lợi nhuận trong ngắn hạn, doanh nghiệp luôn có động lực để câu kết hình thành các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh. Thực tiễn thực thi pháp luật cạnh tranh ở nhiều nước đã cho thấy thỏa thuận hạn chế cạnh tranh luôn đứng đầu về số lượng và tính chất so với các vi phạm cạnh tranh khác. Theo thống kê của hội đồng châu âu, trong năm 2013-2018, có 181 doanh nghiệp bị phạt do tham gia thỏa thuận hạn chế cạnh tranh với tổng số tiền lên đến hơn 8.4 tỉ euro. Tại việt nam, 2 trong số 3 quyết định xử phạt hành vi hạn chế cạnh tranh do Hội đồng cạnh tranh ban hành cho đến nay là vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh. Về khía cạnh hiệu quả, các nghiên cứu kinh tế đã chứng minh thỏa thuận hạn chế cạnh tranh ít hiệu quả hơn và nguy hại hơn so với cả độc quyền hay tập trung kinh tế theo chiều ngang. Do đó, việc áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ và chế tài nghiêm khắc đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh là cần thiết nhằm giảm động lực câu kết giữa các doanh nghiệp.

*Thứ ba, các quy định của luật cạnh tranh cần cấm tuyệt đối các thỏa thuận ấn định là thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp*. Qua thực tiễn nghiên cứu các vụ việc về cạnh tranh cho thấy đa phần chiếm 80% là vụ việc vi phạm về thỏa thuận ấn định giá. Hậu quả của thỏa thuận này không đơn giản chỉ là triệt tiêu tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp mà còn phương hại đến lợi ích người tiêu dùng. Do vậy, cần có cơ chế cho phép cơ quan cạnh tranh bỏ qua bước đánh giá tác động hạn chế cạnh tranh đối với các thỏa thuận nghiêm trọng. Chỉ cần chứng minh được có sự tồn tại thỏa thuận này là cơ quan cạnh tranh có thể áp dụng chế tài đối với các bên tham gia, không cần phải thực hiện thêm một bước là đánh giá tác động hạn chế cạnh tranh. Điều này sẽ giúp rút ngắn thời gian điều tra, xử lý, nâng cao hiệu lực của pháp luật cạnh tranh.

Kiểm soát hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh là một trong những chế định cơ bản, không thể thiếu trong pháp luật cạnh tranh của các nước bởi tính chất nguy hại và tác động tiêu cực của hành vi này đối với môi trường kinh doanh nói chung và môi trường cạnh tranh nói riêng. Hiện nay, thực tiễn xử lý các vụ việc về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh tại Việt Nam đã vấp phải nhiều khó khăn do những quy định về vấn đề này trong Luật cạnh tranh 2004 vẫn còn nhiều bất cập. Song Luật cạnh tranh 2018 sẽ có hiệu lực vào 01/7/2019 hứa hẹn sẽ khắc phục những bất cập và nâng cao tính cạnh tranh tron nền kinh tế.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**1**. Cục quản lý cạnh tranh và cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản, *Báo cáo rà soát Luật cạnh tranh Việt Nam*, <http://www.vca.gov.vn/NewsDetail.aspx?ID=1415&CateID=7>, đăng tải 08/10/2012.

**2.** Nguyễn Hoài Huân – Nguyễn Bình Thái, *Cẩm nang tra cứu pháp luật về cạnh tranh*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

**3.** Khoa Luật – Đại học Vinh, *Phân tích một vụ việc thực tiễn về hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh,* <http://khoaluat.vinhuni.edu.vn/nghien-cuu-khoa-hoc/seo/bai-viet-phan-tich-mot-vu-viec-thuc-tien-ve-hanh-vi-thoa-thuan-han-che-canh-tranh-80548>, đăng tải ngày 16/12/2017.

**4**. Vũ Thu Phương, *Luật Đấu Thầu - Luật Cạnh Tranh & Giải Đáp Một Số Tình Huống Thường Gặp,* Nhà xuất bản lao động, Hà Nội, tr. 322-356.

**5.** Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại*, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, Hồ Chí Minh, 2013. Tr. 213 - 300

**6**. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Cạnh tranh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2014, tr.126.

**7**. Nguyễn Quốc Toản (2014), *Các động lực mới đẩy mạnh cải cách kinh tế và hội nhập quốc tế hướng tới sự phát triển bền vững của đất nước*, Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, tr.1-8.